

**BIỂU KÈM PHỤ LỤC 01**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ CÔNG NĂM 2022**

*(Kèm theo Phụ lục Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

STT	Tên dự án	Tổng dư nợ đầu năm 2022 (01/01/2022)	Kế hoạch vay, trả nợ công 2022 được giao				Ước thực hiện năm 2022				Dư nợ cuối năm 2022	Ghi chú
			Tổng số vay, rút vốn trong năm		Trả nợ gốc vay trong kỳ	Trả nợ lãi (phí) trong kỳ	Tổng số vay, rút vốn trong năm		Trả nợ gốc vay trong kỳ	Trả nợ lãi (phí) trong kỳ		
			Vay để chi đầu tư phát triển	Vay trả nợ gốc			Vay để chi đầu tư phát triển	Vay trả nợ gốc				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10=1+6+7-8	11
	<b>Tổng cộng</b>	<b>60,033</b>	<b>48,400</b>	<b>8,600</b>	<b>8,600</b>	<b>2,200</b>	<b>33,882</b>	-	<b>8,500</b>	<b>1,256</b>	<b>85,415</b>	
<b>I.</b>	<b>Vay từ nguồn chính phủ vay về cho vay lại</b>	<b>60,033</b>	<b>48,400</b>	<b>8,600</b>	<b>8,600</b>	<b>2,200</b>	<b>33,882</b>	-	<b>8,500</b>	<b>1,256</b>	<b>85,415</b>	
1	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB)	23,789	2,250	2,000	2,000	550	1,621	-	2,027	486	23,383	
2	Dự án Hỗ trợ phát triển khu vực biên giới - Tiểu dự án tỉnh Kon Tum (ADB)	22,439	44,279	5,300	5,300	1,300	30,736	-	5,222	496	47,953	
3	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả (WB)	13,805	1,871	1,300	1,300	350	1,525	-	1,251	274	14,079	